NGHE CHÉP CHÍNH TẢ

DAY 2

- Lần 1: ***Nghe 1 lượt và chọn đáp án.***

- Lần 2: ***Nghe và chép hết những phần đã nghe.***

- Lần 3: ***Check đáp án***

- Lần 4: ***Nghe, nhại lại và ghi âm từng câu.***

	A. B. C. D. **Từ vựng:** *Hang up: (v) treo lên* *Be stacked: (v) được xếp chồng lên nhau* *A cart: (n) xe đẩy* *Push: (v) đẩy*
	A. B. C. D. **Từ vựng:** *Pay for sth: (v) thanh toán cái gì* *A meal: (n) bữa ăn* *Washing dishes: (v) rửa chén* *A refrigerator: (n) tủ lạnh* *large: (adj) lớn* *a cooking pot: (n) nồi nấu ăn* *a counter: (n) quầy*

LIVEWORKSHEETS

	A. B. C. D. **Từ vựng:** *Runner: (n) vận động viên* *Line up: (v) xếp hàng* *Race: (n) cuộc đua* *Cheer: (v) cổ vũ* *An athletic field: (n) sân thể thao* *A lawn mover: (n) máy cắt* *Grass: (n) cỏ*

LIVEWORKSHEETS